

## TCB - KQKD quý 2/2026 tích cực trên mọi phương diện, với tăng trưởng tín dụng cao hơn kỳ vọng - Báo cáo KQKD

Doanh Nghiệp • 21/07/2026

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam (TCB) công bố KQKD 6T 2026 với tổng thu nhập hoạt động (TOI) đạt 28,6 nghìn tỷ đồng (+17,5% YoY) và LNTT đạt 18,5 nghìn tỷ đồng (+22,5% YoY), lần lượt hoàn thành 47% và 49% dự báo tương ứng cho cả năm 2026 của chúng tôi. LNTT 6T 2026 hoàn thành 49% kế hoạch cả năm của ngân hàng là 37,5 nghìn tỷ đồng (+15,2% YoY). Nhìn chung, KQKD của ngân hàng vượt kỳ vọng của chúng tôi, đặc biệt là về tăng trưởng tín dụng. Các chỉ tiêu chính khác bao gồm thu nhập từ phí, NIM và chất lượng tài sản đều có xu hướng tích cực. Chúng tôi nhận thấy khả năng điều chỉnh tăng đối với các dự báo hiện tại cho TCB, dù cần thêm đánh giá chi tiết.

- Tăng trưởng tín dụng hợp nhất đạt 15,2% trong nửa đầu năm 2026 và đạt 11,2% trong quý 2/2026, tăng tốc đáng kể so với mức 3,6% trong quý 1. Theo TCB, tăng trưởng tín dụng ngân hàng mẹ trong 6T 2026 đạt 14,3%, bao gồm một số khoản cho vay dự án hạ tầng và cho vay nhà ở xã hội được miễn trừ khỏi hạn mức tín dụng. Nếu không tính các khoản cho vay này, tăng trưởng tín dụng riêng ngân hàng mẹ sẽ là 11,6%. Tăng trưởng 6T 2026 được thúc đẩy bởi tăng trưởng dư nợ cho vay đạt 10,4% và dư nợ trái phiếu doanh nghiệp tăng đột biến 80,7% (chiếm 10,8% tổng dư nợ tín dụng).
- Tăng trưởng tín dụng 6T 2026 được dẫn dắt nhiều hơn bởi phân khúc khách hàng doanh nghiệp (+20,0% so với đầu năm - YTD) so với phân khúc khách hàng cá nhân & SME (+9,4% YTD). Đối với phân khúc khách hàng cá nhân & SME, các động lực tăng trưởng chính là cho vay tín chấp (+40% YTD), phân khúc SME (+28% YTD) và cho vay ký quỹ tại TCX (+17,5% YTD). Dư nợ cho vay mua nhà tăng 4,9% YTD và giảm 1,0% QoQ trong quý 2/2026. Mức tăng trưởng cho vay mua nhà khiêm tốn là điều đã được dự báo trước trong môi trường lãi suất cao hơn.
- Trong khi đó, đối với phân khúc khách hàng doanh nghiệp, ngành xây dựng (+56,3% YTD, -8,4% QoQ) tiếp tục là yếu tố đóng góp chính vào tăng trưởng dư nợ cho vay trong 6T 2026, nhờ nhu cầu tín dụng lớn từ các dự án hạ tầng. Đáng chú ý, dư nợ cho vay các doanh nghiệp bất động sản tăng trở lại 6,8% QoQ sau khi giảm 16,4% trong hai quý trước đó.
- Tiền gửi khách hàng tăng 7,0% trong 6T 2026, vẫn thấp hơn đáng kể so với tăng trưởng tín dụng nhưng riêng trong quý 2 tăng trưởng mạnh mẽ đạt 10,4% so với mức giảm 3,1% trong quý 1. Tỷ lệ LDR giảm nhẹ xuống 80,1% trong quý 1/2026 từ mức 80,5% trong quý trước đó và vẫn nằm dưới mức trần 85%. Tỷ lệ CASA của TCB phục hồi trong quý 2/2026, được thúc đẩy bởi CASA của khách hàng doanh nghiệp, và tiếp tục duy trì ở nhóm đầu ngành với mức 35,0% (-1,4 điểm % YoY, +2,4 điểm % QoQ). Khi bao gồm cả số dư sinh lời tự động, tỷ lệ CASA đạt 38,3% vào cuối quý 2/2026 (-2,9 điểm % YoY, +0,3 điểm % QoQ).

- NIM phục hồi trong quý 2/2026 lên 3,70% (+29 điểm cơ bản QoQ, -10 điểm cơ bản YoY), được thúc đẩy bởi sự gia tăng mạnh mẽ của hiệu suất sinh lời tài sản (+81 điểm cơ bản QoQ, +109 điểm cơ bản YoY), một phần bị bù trừ bởi sự gia tăng chi phí vốn (COF) (+64 điểm cơ bản QoQ, +139 điểm cơ bản YoY). NIM 6T 2026 đạt 3,49% (-14 điểm cơ bản YoY). Theo TCB, sự cải thiện của NIM trong quý được hỗ trợ bởi hoạt động tối ưu hóa danh mục tín dụng, điều chỉnh lãi suất, và việc NIM không còn chịu ảnh hưởng từ một số yếu tố mang tính nhất thời đã ghi nhận trong quý trước.
- Chất lượng tài sản duy trì ổn định trong quý 2/2026 với tỷ lệ nợ xấu ở mức 1,15% (-1 điểm cơ bản QoQ, -17 điểm cơ bản YoY) so với dự báo cuối năm 2026 của chúng tôi là 1,13%. Tỷ lệ nợ nhóm 2 trong quý 2/2026 cũng đi ngang so với quý 1 ở mức 0,71% (-1 điểm cơ bản QoQ, +8 điểm cơ bản YoY). TCB đã xử lý nợ 563 tỷ đồng trong 6T 2026 - tương đương với tỷ lệ xử lý nợ trên tổng dư nợ cho vay quy năm là 0,14%.
- Chi phí tín dụng quy năm trong 6T 2026 đạt 0,39% so với mức 0,63% trong 6T 2025. Ngoài ra, tỷ lệ bao phủ nợ xấu (LLR) quý 2/2026 của TCB duy trì ở mức cao là 126% so với mức 129% trong quý trước.
- Thu nhập ngoài lãi (NOII) ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ trong 6T 2026 đạt 8,3 nghìn tỷ đồng (+20,5% YoY), hoàn thành 46% dự báo cả năm của chúng tôi. Trong đó, thu nhập phí dịch vụ thuần (NFI) tăng 37,6% YoY lên 7,6 nghìn tỷ đồng, chủ yếu nhờ mức tăng mạnh của mảng L/C, kiều hối và các dịch vụ thanh toán & tiền mặt khác (+152,4% YoY), mảng thẻ (+21,5% YoY), kinh doanh ngoại hối & sản phẩm phái sinh (+21,4% YoY) và dịch vụ bảo hiểm (+121,6% YoY) trong khi phí dịch vụ ngân hàng đầu tư (IB) (-24,3% YoY) diễn biến kém tích cực. Nhìn chung, tăng trưởng mạnh mẽ của phí dịch vụ khẳng định rõ lợi thế dẫn đầu của TCB trong hệ sinh thái sản phẩm và dịch vụ ngoài tín dụng.
- Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) 6T 2026 được kiểm soát tốt ở mức 29,7% (+0,4 điểm % YoY) so với dự báo cả năm của chúng tôi là 30,8%, do chi phí hoạt động (OPEX) tăng 19,3% YoY so với mức tăng 17,5% YoY của tổng thu nhập hoạt động (TOI). Theo TCB, mức gia tăng này thể hiện cam kết của ngân hàng trong việc củng cố nền tảng cho tăng trưởng bền vững và triển khai các ưu tiên chiến lược, bao gồm: (i) tiếp tục đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực vận hành và khả năng mở rộng trong dài hạn, (ii) duy trì trọng tâm phát triển nguồn nhân lực, (iii) đẩy mạnh đầu tư cho các chương trình thu hút khách hàng mới và tăng cường gắn kết nhằm mang lại nhiều giá trị hơn cho khách hàng, nâng cao trải nghiệm khách hàng.

## KQKD quý 2 & 6T 2026 của TCB

| Tỷ đồng                 | 6T<br>2025 | 6T<br>2026 | YoY   | Q2<br>2025 | Q2<br>2026 | YoY   |
|-------------------------|------------|------------|-------|------------|------------|-------|
| Thu nhập lãi ròng (NII) | 17.442     | 20.285     | 16,3% | 9.137      | 10.763     | 17,8% |

|                                               |         |         |             |         |         |             |
|-----------------------------------------------|---------|---------|-------------|---------|---------|-------------|
| Thu nhập ngoài lãi                            | 6.912   | 8.331   | 20,5%       | 3.606   | 4.179   | 15,9%       |
| Thu nhập từ HĐKD (TOI)                        | 24.354  | 28.616  | 17,5%       | 12.743  | 14.942  | 17,3%       |
| Chi phí HĐKD (OPEX)                           | (7.116) | (8.489) | 19,3%       | (3.831) | (4.620) | 20,6%       |
| LN từ HĐKD trước dự phòng                     | 17.239  | 20.127  | 16,8%       | 8.912   | 10.322  | 15,8%       |
| Chi phí dự phòng                              | (2.104) | (1.587) | -24,6%      | (1.014) | (652)   | -35,7%      |
| LNTT                                          | 15.135  | 18.540  | 22,5%       | 7.899   | 9.670   | 22,4%       |
| LNST sau lợi ích CĐTS                         | 12.195  | 14.021  | 15,0%       | 6.247   | 7.350   | 17,7%       |
| Tăng trưởng cho vay **                        | 11,1%   | 15,2%   | 4,1 điểm %  | 6,7%    | 11,2%   | 4,5 điểm %  |
| Tăng trưởng tiền gửi **                       | 2,2%    | 7,0%    | 4,8 điểm %  | 2,5%    | 10,4%   | 7,9 điểm %  |
|                                               |         |         |             |         |         |             |
| NIM                                           | 3,63%   | 3,49%   | -14 đcb     | 3,80%   | 3,70%   | -10 đcb     |
| Lợi suất tài sản                              | 6,51%   | 7,33%   | 81 đcb      | 6,77%   | 7,86%   | 109 đcb     |
| Chi phí huy động                              | 3,33%   | 4,42%   | 109 đcb     | 3,43%   | 4,82%   | 139 đcb     |
| Tỷ lệ CASA *                                  | 36,4%   | 35,0%   | -1,4 điểm % | 36,4%   | 35,0%   | -1,4 điểm % |
| Tỷ lệ CASA cộng tiền gửi kỳ hạn bằng ngoại tệ | 37,1%   | 36,0%   | -1,2 điểm % | 37,1%   | 36,0%   | -1,2 điểm % |

|                              |       |       |            |       |       |            |
|------------------------------|-------|-------|------------|-------|-------|------------|
| Tỷ lệ chi phí/thu nhập (CIR) | 29,2% | 29,7% | 0,4 điểm % | 30,1% | 30,9% | 0,9 điểm % |
|                              |       |       |            |       |       |            |
| Nợ xấu/Tổng dư nợ            | 1,32% | 1,15% | -17 đcb    | 1,32% | 1,15% | -17 đcb    |
| Nợ Nhóm 2/Tổng dư nợ         | 0,62% | 0,71% | 8 đcb      | 0,62% | 0,71% | 8 đcb      |
| Lãi dự thu/tài sản sinh lãi  | 0,94% | 0,94% | 0 đcb      | 0,94% | 0,94% | 0 đcb      |

Nguồn: TCB, Vietcap – \* Tỷ lệ CASA bao gồm tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi ký quỹ. \*\* Tăng trưởng cho vay và tiền gửi 6T 2026 và 6T 2025 là tăng trưởng 6 tháng.